

Bản án số: **458/2025/HS-PT**

Ngày 26 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Bà Lê Hải Yến

Bà Vũ Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Tòa án;*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Thị Kiều Diễm - *Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 170/TLPT-HS ngày 20/02/2025 đối với bị cáo Hoàng Tuấn A và 06 bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo trong vụ án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 444/2025/HS-ST ngày 23/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Hoàng Tuấn A**, sinh năm 1999; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1975; Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1974; Vợ: Phạm Thị Q, sinh năm 1999; Con: Có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/9/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 16/10/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.*

2. **Lưu Văn A1**, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lưu Văn T1, sinh năm 1974; Con bà: Mai Thị H1, sinh năm 1984; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/9/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 07/10/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.*

3. **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1995; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; Con bà: Hồ Thị H2, sinh năm 1974; Vợ: Trần Thị Thu H3, sinh năm 1997; Con: Có 01 con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày

10/9/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 16/10/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.*

4. **Trần Tiến H4**, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn P, xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Trần Văn S, sinh năm 1970; Con bà: Trần Thị B, sinh năm 1975; Vợ: Vũ Phương T3, sinh năm 2002; Con: Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú ngày 07/10/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.*

5. **Lý Hồng Q1**, sinh năm 1998; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lý Minh H5, sinh năm 1972; Con bà: Đặng Thị K, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/9/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 16/10/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.*

6. **Nguyễn Văn T4**, sinh năm 2003; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976; Con bà: Lê Thị X, sinh năm 1977; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/01/2018, Công an huyện Q, Nghệ An xử phạt hành chính về hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ - khi chưa đủ 16 tuổi; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/9/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 16/10/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.*

7. **Lâm Quang H6**, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lâm Văn C1, sinh năm 1982; Con bà: Vi Thị H7, sinh năm 1982; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/9/2024, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 16/10/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.*

* **Người bào chữa cho bị cáo Lâm Quang H6:** Bà Lê Thúy H8 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T7; *Có mặt.*

* **Bị hại:** Chị Mua Phương H9, sinh ngày 15/11/2006; Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; **Người đại diện hợp pháp là:** Ông Nguyễn Duy H10, Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phường L; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2022, Hoàng Tuấn A, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn A1 và Trần Tiến H4 góp vốn mở cửa hàng làm tóc Atino tại số A đường L, phường L, quận Đ, Hà Nội với tỷ lệ Tuấn A góp 30%, T2 góp 30%, Văn A1 góp 20%, H4

góp 20%. Số tiền lãi hàng tháng sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn. Quá trình hoạt động, các đối tượng có thuê Nguyễn Văn T4, Lý Hồng Q1, Lâm Quang H6, Ngô Đức T5 (sinh năm 2004; Trú tại Xóm H, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định); Chảo Văn T6 (sinh năm 1998; Trú tại Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang) làm nhân viên của cửa hàng.

Do cửa hàng làm ăn thua lỗ nên Tuấn A, T2, Văn A1 và H4 đã bàn bạc thống nhất cách dẫn dụ khách đến cửa hàng rồi bắt ép khách phải trả tiền như sau: Tuấn A, T2, Văn A1 và H4 đã chỉ đạo các nhân viên lập nhiều tài khoản Facebook ảo rồi đăng tin lên mạng xã hội để thuê người mẫu tóc với giá từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Khi có người mẫu tóc nhận việc và đến cửa hàng thì lợi dụng việc cửa hàng bật nhạc to, các nhân viên sẽ tư vấn không rõ ràng cho người mẫu tóc dịch vụ phục hồi tóc, nếu người mẫu tóc đồng ý làm thì sẽ làm cho khách và yêu cầu trả tiền. Giá dịch vụ phục hồi tóc khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ml thuốc phục hồi. Để làm phục hồi toàn bộ thì sẽ mất khoảng 10ml thuốc và giá dịch vụ sẽ là khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Như vậy, người mẫu tóc sẽ phải trả thêm số tiền khoảng 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng cho cửa hàng. Nếu khách thắc mắc về việc phải trả thêm tiền thì sẽ dẫn khách lên tầng 2 để nói chuyện, đồng thời sẽ dùng số đồng để tạo áp lực bắt khách phải trả tiền. Nếu chiếm đoạt được tiền của khách thì các đối tượng thống nhất sẽ chia theo tỷ lệ 55% thu về cửa hàng, 25% cho thợ chính, 10% cho thợ phụ và 10% cho nhân viên đã dẫn dụ khách đến.

Ngày 04/6/2023, với thủ đoạn như trên Nguyễn Văn T4 đã lập tài khoản Facebook tên “Vũ Tuyết M” đăng tin tuyển mẫu tóc với tiền công 500.000 đồng. Thấy vậy, chị Mua Phương H9 đã liên hệ với mục đích nhận làm mẫu tóc và hẹn ngày 08/6/2023 sẽ đến làm.

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 08/6/2023, chị H9 đến cửa hàng tóc gặp nhân viên là Nguyễn Văn T4, Lý Hồng Q1 và được hướng dẫn vào làm tóc. Trong quá trình làm, Lý Hồng Q1 là thợ chính còn Nguyễn Văn T4 là thợ phụ làm tóc cho chị H9. Trước khi làm, lợi dụng cửa hàng đang bật nhạc to, Q1 đã tư vấn dịch vụ phục hồi tóc cho chị H9. Chị H9 không nghe rõ Q1 tư vấn nhưng nghĩ đến cửa hàng với mục đích làm mẫu tóc sẽ không mất phí nên nói với Q1 “anh làm thế nào cũng được”. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, thấy làm tóc sắp xong thì H9 có nhắn tin cho bạn trai là anh Nguyễn Văn S1 (sinh năm 2000; Trú tại số nhà B phố K, phường K, quận T, Hà Nội) đến đón. Sau khi làm tóc, Q1 chụp ảnh mẫu xong thì yêu cầu chị H9 trả tiền là chi phí thuốc phục hồi với giá 300.000 đồng/ml, tổng sử dụng 10ml là 3.000.000 đồng, trừ đi tiền công mẫu tóc thì chị H9 phải trả cho cửa hàng 2.500.000 đồng. Lúc này, chị H9 bất ngờ và nói không được ai nói về việc này trước đó nên không chịu trả tiền thì Q1 đưa chị H9 lên tầng 2 để nói chuyện với quản lý là Hoàng Tuấn A.

Tại tầng 2 của quán, Tuấn A, Q1, T4, Lưu Văn A1, Lâm Quang H6 ngồi xung quanh chị H9. Tuấn A và Q1 là người ngồi nói chuyện trực tiếp với chị H9. Tuấn A liên tục yêu cầu chị H9 trả 2.500.000 đồng do Q1 đã tư vấn trước và chị H9 đã đồng ý làm dịch vụ, nếu không trả tiền thì ở lại quán làm việc để trừ nợ. Trong lúc Tuấn A và Q1 nói chuyện với chị H9 thì Văn A1 và H6 có nói chen vào với mục đích tạo áp lực cho chị H9. Khi anh Nguyễn Văn S1 đến cửa hàng tóc A2 để đón chị H9 thì gọi điện không thấy chị H9 nghe máy nên đã trình báo Công an phường L.

Đối với Ngô Đức T5 và Chảo Văn T6, quá trình điều tra xác định: Ngày 08/6/2023, T5 và T6 không tham gia vào việc tạo sức ép bắt chị H9 trả tiền và không được chia lợi nhuận nếu chị H9 trả tiền nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 444/2025/HS-ST ngày 23/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã quyết định:**

- Tuyên bố: Hoàng Tuấn A, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn A1, Trần Tiến H4, Nguyễn Văn T4, Lý Hồng Q1, Lâm Quang H6 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Hoàng Tuấn A 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 16/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Lưu Văn A1 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 07/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 đến ngày 16/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Tiến H4 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lý Hồng Q1 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2024 đến ngày 16/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Lâm Quang H6 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2024 đến ngày 16/10/2024.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 24/12/2024 đến ngày 30/12/2024, các bị cáo Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1, Nguyễn Văn T2, Trần Tiến H4, Lý Hồng Q1, Nguyễn Văn T4, Lâm Quang H6 đều có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh bản án sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo, mức hình phạt đối với các bị cáo là nặng, đề nghị cho tiến hành điều tra lại vụ án. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các bị cáo xác nhận sự việc đã xảy ra như bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo có ý kiến cho rằng việc câu, dụ khách đến của hàng là việc làm bình thường của các cửa hàng làm tóc. Khi chị H9 đến cửa hàng, Q1 đã tư vấn cho chị H9 về chi phí làm tóc, chị H9 đã đồng ý với chi phí đó nên mới làm. Sau khi làm tóc xong, chị H9 không có tiền trả nên các bị cáo đã đưa chị H9 lên tầng 2 cửa hàng

nói chuyện, tại đây các bị cáo không đe dọa, ép buộc chị H9 mà chỉ yêu cầu chị H9 phải trả tiền. Các bị cáo cho rằng, có thể có cửa hàng làm tóc nào đó do muốn cạnh tranh không lành mạnh nên đã gài bẫy các bị cáo, đề nghị điều tra lại. Tuy nhiên, trong phần tranh luận và nói lời nói sau cùng, các bị cáo đều có ý kiến thừa nhận hành vi của mình, xin lỗi bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung*: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về tội danh, mức hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị: Tuyên bố: Hoàng Tuấn A, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn A1, Trần Tiến H4, Nguyễn Văn T4, Lý Hồng Q1, Lâm Quang H6 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo: Hoàng Tuấn A 18 tháng tù; Xử phạt bị cáo Lưu Văn A1 16 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 15 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 14 tháng tù; Xử phạt bị cáo Trần Tiến H4 15 tháng tù; Xử phạt bị cáo Lý Hồng Q1 14 tháng tù; Xử phạt bị cáo Lâm Quang H6 12 tháng tù. Thời hạn tù đối với các bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng giữa năm 2022, Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1, Nguyễn Văn T2, Trần Tiến H4 góp vốn mở cửa hàng làm tóc Atino tại số A đường L, phường L, quận Đ, Hà Nội và có thuê Nguyễn Văn T4, Lý Hồng Q1, Lâm Quang H6, Ngô Đức T5, Chảo Văn T6 làm nhân viên của cửa hàng. Để tăng doanh thu của cửa hàng, Tuấn A, Văn A1, T2, H4 đã chỉ đạo các nhân viên lập nhiều tài khoản

Facebook ảo, đăng tin lên mạng xã hội để thuê người mẫu tóc, dẫn dụ khách đến cửa hàng rồi lợi dụng cửa hàng bật nhạc to, tư vấn không rõ ràng cho khách sử dụng dịch vụ phục hồi tóc rồi bắt ép khách trả tiền. Nếu khách có ý kiến không chịu trả tiền thì sẽ dẫn khách lên tầng 02 của cửa hàng rồi dùng số đông uy hiếp, tạo sức ép bắt khách trả tiền. Với thủ đoạn như trên, ngày 08/6/2023 sau khi làm mẫu tóc cho chị Mua Phương H9 thì Hoàng Tuấn A, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn A1, Trần Tiến H4, Nguyễn Văn T4, Lý Hồng Q1, Lâm Quang H6 đã bắt ép chị H9 phải trả số tiền 2.500.000 đồng nhưng chị H9 không trả tiền. Các bị cáo đã yêu cầu chị H9 lên tầng 2 của cửa hàng. Tại đây các bị cáo Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1, Nguyễn Văn T4, Lý Hồng Q1, Lâm Quang H6 dùng số đông, ép chị H9 phải trả tiền theo yêu cầu của các bị cáo, chị H9 không đồng ý trả tiền, đúng lúc đó thì bị Công an phường L, quận Đ đến yêu cầu tất cả các đối tượng liên quan về trụ sở làm việc.

Hành vi của các bị cáo dùng tài khoản mạng xã hội ảo, dụ người khác đến cửa hàng của mình làm người mẫu tóc, nhưng sau đó dùng thủ đoạn bật nhạc to để khách hàng không nghe được lời tư vấn, từ đó làm các dịch vụ vượt quá nhu cầu của bị hại, sau khi làm xong ép bị hại phải trả tiền theo yêu cầu của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời đã bàn bạc, thống nhất với nhau dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần bị hại, ép buộc bị hại phải trả tiền cho các bị cáo nhằm chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng của bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1, Nguyễn Văn T2, Trần Tiến H4, Lý Hồng Q1, Nguyễn Văn T4, Lâm Quang H6 đều có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh bản án sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo, mức hình phạt đối với các bị cáo là nặng, đề nghị tiến hành điều tra lại vụ án.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- Về tội danh đối với các bị cáo: Như đã phân tích ở trên, trong vụ án này các bị cáo có hành vi câu, dụ khách đến cửa hàng làm mẫu tóc, tư vấn không rõ ràng để khách sử dụng những dịch vụ không đúng nhu cầu rồi yêu cầu khách phải trả số tiền lớn hơn, khi khách hàng không đồng ý trả tiền, các bị cáo đưa khách hàng lên tầng 02 của cửa hàng rồi dùng số đông uy hiếp, tạo sức ép bắt khách trả tiền. Việc các bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền là do bị hại không thực hiện theo yêu cầu của các bị cáo và lực lượng Công an đến ngăn chặn kịp thời. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn cấu thành của tội Cưỡng đoạt tài sản. Do đó, các nội dung kháng cáo của các bị cáo đề nghị xem xét lại tội danh là không có cơ sở.

- Về ý kiến các bị cáo cho rằng, có thể ai đó gài bẫy các bị cáo, đề nghị điều tra lại: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Việc thu thập chứng cứ, tài liệu của vụ án được tiến hành khách quan. Ngoài lời

khai của bị hại, còn có lời khai người làm chứng là anh Nguyễn Văn S1, bản thân các bị cáo cũng có nhiều lời khai phù hợp với nhau về việc thống nhất bàn bạc, câu dụ khách đến cửa hàng làm mẫu tóc, sau đó dùng thủ đoạn để buộc khách phải trả số tiền nhiều hơn so với nhu cầu của khách hàng. Hành vi của các bị cáo đã thoả mãn cấu thành tội phạm như đã nêu trên, do đó không có cơ sở chấp nhận các nội dung kháng cáo trên của các bị cáo.

- Về hình phạt đối với các bị cáo:

+ Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù. Khi xét xử, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H4 đã ra đầu thú, bị cáo Q1, H6 là người dân tộc ít người, bị cáo H6 sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, để từ đó áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự. Toà án cấp sơ thẩm cũng xem xét đánh giá, vị trí, vai trò, mức độ tham gia thực hiện tội phạm của từng bị cáo để phân hoá trách nhiệm hình sự tương ứng với mỗi bị cáo.

+ Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo về cơ bản là phù hợp. Trong vụ án này các bị cáo Tuấn A, Văn A1 là những cổ đông góp vốn vào cửa hàng, có sự bàn bạc thống nhất với các bị cáo khác đưa khách đến cửa hàng để chiếm đoạt tài sản. Ngày 08/6/2023, hai bị cáo này cũng trực tiếp tham gia ép chị H9 phải trả tiền cho các bị cáo. Đối với các bị cáo T4, Q1, H6 là những người đồng phạm giúp sức, giữ vai trò thấp, thực hiện theo sự chỉ đạo của quản lý cửa hàng nên có thể xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với các bị cáo T2, H4, tuy cũng là những cổ đông góp vốn tại cửa hàng, có sự thống nhất với Tuấn A, Văn A1 trong việc đưa khách đến cửa hàng để chiếm đoạt tài sản, nhưng tại thời điểm xảy ra sự việc, các bị cáo T2, H4 đều không có mặt tại cửa hàng, không tham gia vào việc ép buộc chị H9 phải đưa tiền cho các bị cáo. Mặt khác, số tiền các bị cáo nhằm chiếm đoạt của bị hại có giá trị không lớn (2.500.000 đồng), các bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của bị hại đã bị ngăn chặn; Các bị cáo T2, H4, Q1, T4, H6 đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu (*bị cáo T4 tuy đã có 01 lần bị xử lý vi phạm hành chính năm 2018, nhưng khi chưa đủ 16 tuổi nên không coi là tiền sự*), các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có thể tự cải tạo ngoài xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Tuấn A, Văn A1, giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo trên. Chấp kháng cáo của các bị cáo T2, H4, Q1, T4, H6 về phần hình phạt, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho các bị cáo này được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.3] Về các nội dung khác

Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo Tuấn A, Văn A1 không được chấp nhận nên các bị cáo này phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo T2, H4, Q1, T4, H6 được chấp nhận nên các bị cáo trên không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

ng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1, Nguyễn Văn T2, Trần Tiến H4, Lý Hồng Q1, Nguyễn Văn T4, Lâm Quang H6 về việc huỷ bản án để tiến hành điều tra lại, xem xét lại tội danh. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1 về đề nghị giảm mức hình phạt. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T2, Trần Tiến H4, Lý Hồng Q1, Nguyễn Văn T4, Lâm Quang H6 về phần hình phạt.

- Giữ nguyên quyết định của Bản án số 444/2024/HSST ngày 23/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội về phần tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1; Sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T2, Trần Tiến H4, Lý Hồng Q1, Nguyễn Văn T4, Lâm Quang H6. Cụ thể như sau:

1.1. Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Xử phạt bị cáo: Hoàng Tuấn A 18 (mười tám) tháng tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 16/10/2024.

- **Xử phạt bị cáo: Lưu Văn A1 16 (mười sáu) tháng tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 07/10/2024.

1.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T2 15 (mười lăm) tháng tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- **Xử phạt bị cáo: Trần Tiến H4 15 (mười lăm) tháng tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Tiến H4 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- **Xử phạt bị cáo: Lý Hồng Q1 14 (mười bốn) tháng tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lý Hồng Q1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- **Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T4 14 (mười bốn) tháng tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T4

cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- **Xử phạt bị cáo: Lâm Quang H6 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lâm Quang H6 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với các bị cáo được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Hoàng Tuấn A, Lưu Văn A1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo khác không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Huy